

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển Trình độ Thạc sĩ đợt 2 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2844/QĐ-BGD&ĐT-SDH ngày 04/8/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc uỷ quyền ký quyết định công nhận trúng tuyển cao học cho Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 2268/NQ-HĐT ngày 27/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp ban hành kèm theo;

Căn cứ Quyết định số 1908/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 08/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Kết luận của cuộc họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2022 đợt 2 ngày 03/11/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **154** thí sinh thuộc **03** chuyên ngành trúng tuyển trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2022, cụ thể như sau:

- a) Chuyên ngành Quản lý kinh tế (mã số: 8340110): 135 thí sinh.
- b) Chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng (mã số: 8620211): 08 thí sinh.
- c) Chuyên ngành Lâm học (mã số: 8620201): 11 thí sinh.

(Thông tin chi tiết các thí sinh trúng tuyển theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 có nghĩa vụ và quyền lợi theo Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị thuộc Trường có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Phó HT phụ trách SĐH;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Lưu: VT, Phòng ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Toại

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2022 ĐỢT 2

(Kèm theo QĐ số: 2548 /QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHLN)

1-Chuyên ngành: Quản lý kinh tế. Mã số: 8340110

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ghi chú
1	Dương Việt Anh	10/08/1997	Nam	Hòa Bình	
2	Kiều Ngọc Ánh	16/12/2000	Nữ	Hà Nội	
3	Hoàng Văn Cảnh	20/12/1989	Nam	Ninh Bình	
4	Lê Chí Công	12/03/1989	Nam	Yên Bái	
5	Đoàn Ngọc Cường	31/07/1982	Nam	Yên Bái	
6	Nguyễn Quang Cường	05/02/1989	Nam	Hà Nội	
7	Đinh Công Đắc	28/11/1985	Nam	Hòa Bình	
8	Nguyễn Tiến Đạt	02/10/1985	Nam	Ninh Bình	
9	Đinh Thị Kiều Diễm	20/05/1998	Nữ	Ninh Bình	
10	Bùi Phi Diệp	03/04/1974	Nam	Hòa Bình	
11	Nguyễn Thành Đức	20/11/1980	Nam	Ninh Bình	
12	Ninh An Dũng	05/07/1971	Nam	Ninh Bình	
13	Phạm Minh Dương	29/04/1999	Nam	Ninh Bình	
14	Nguyễn Ngọc Hà	04/02/1978	Nam	Hà Nội	
15	Nguyễn Sơn Hải	02/06/1995	Nam	Hòa Bình	
16	Nguyễn Thanh Hải	01/04/1994	Nam	Hà Giang	
17	Lã Thị Thúy Hằng	27/10/1985	Nữ	Hòa Bình	
18	Nguyễn Thu Hằng	29/08/1990	Nữ	Hòa Bình	
19	Nguyễn Thu Hằng	08/10/1986	Nữ	Yên Bái	
20	Trần Thái Hằng	28/09/1998	Nữ	Yên Bái	
21	Khổng Văn Hậu	06/11/1979	Nam	Phú Thọ	
22	Trần Trọng Hiếu	25/11/1982	Nam	Yên Bái	
23	Bùi Mai Hoa	24/11/1993	Nữ	Hòa Bình	
24	Mai Thị Hòa	25/05/1975	Nữ	Hòa Bình	
25	Nguyễn Xuân Hòa	24/09/1987	Nam	Yên Bái	
26	Nguyễn Thị Hợp	24/12/1988	Nữ	Yên Bái	
27	Hoàng Xuân Hùng	28/12/1982	Nam	Yên Bái	
28	Nguyễn Duy Hùng	06/08/1985	Nam	Hòa Bình	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ghi chú
29	Trịnh Trọng	Hung	18/09/1990	Nam	Hà Nội	
30	Nguyễn Văn	Hương	12/01/1986	Nam	Ninh Bình	
31	Đỗ Thị Kim	Huyền	27/11/1985	Nữ	Hà Nội	
32	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	15/06/1987	Nữ	Hòa Bình	
33	Đoàn Công	Khanh	05/06/1978	Nam	Ninh Bình	
34	Trần Ngọc	Khánh	29/11/1990	Nam	Yên Bái	
35	Xa Thị	Khiêm	22/10/1976	Nữ	Hòa Bình	
36	Đinh Thị	Kiều	06/05/1986	Nữ	Hòa Bình	
37	Mai Thị	Là	10/12/1990	Nữ	Yên Bái	
38	Nguyễn Tùng	Lâm	18/11/1994	Nam	Hòa Bình	
39	Đinh Mạnh	Linh	27/08/1993	Nam	Hòa Bình	
40	Đoàn Thị Thùy	Linh	21/01/1988	Nữ	Hà Nội	
41	Phan Văn	Long	19/07/1998	Nam	Hà Giang	
42	Nguyễn Văn	Mạnh	24/04/1974	Nam	Hà Nội	
43	Phạm Minh	Mạnh	14/08/1988	Nam	Ninh Bình	
44	Ngô Thị	Ngọc	05/05/1981	Nữ	Hòa Bình	
45	Nguyễn Xuân	Nhã	28/05/1986	Nam	Hà Nam	
46	Lê Thị	Nhân	21/05/1999	Nữ	Hà Nội	
47	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/12/1990	Nữ	Hòa Bình	
48	Trịnh Thị	Nhung	05/10/1984	Nữ	Hòa Bình	
49	Dương Thị Bích	Phương	08/03/1988	Nữ	Hà Nội	
50	Đinh Hồng	Quang	09/08/1990	Nam	Hòa Bình	
51	Đỗ Cao	Quyền	26/09/1981	Nam	Yên Bái	
52	Nguyễn Thế	Quyền	09/09/1984	Nam	Yên Bái	
53	Nguyễn Thúy	Quỳnh	24/02/1997	Nữ	Hà Giang	
54	Bùi Thị Minh	Thắm	26/04/1984	Nữ	Hòa Bình	
55	Tạ Thị Hồng	Thắm	04/10/1987	Nữ	Yên Bái	
56	Lê Trường	Thịnh	24/09/1977	Nam	Yên Bái	
57	Tạ Văn	Thoan	01/10/1972	Nam	Ninh Bình	
58	Trần Lệ	Thu	21/09/1989	Nữ	Yên Bái	
59	Vũ Thị	Thục	06/05/1986	Nữ	Thanh Hóa	
60	Doãn Thanh	Thùy	28/10/1990	Nữ	Yên Bái	
61	Trần Quang	Tịch	10/10/1982	Nam	Ninh Bình	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ghi chú
62	Cao Thu	Trang	04/08/1993	Nữ	Yên Bái	
63	Dương Thị Thu	Trang	01/10/2000	Nữ	Hà Nội	
64	Nguyễn Phương	Trang	23/01/1999	Nữ	Hà Nội	
65	Đào Thị	Trinh	20/08/1987	Nữ	Yên Bái	
66	Đỗ Quang	Trung	01/03/1981	Nam	Yên Bái	
67	Nguyễn Văn	Trung	22/11/1988	Nam	Hòa Bình	
68	Bùi Đình	Tuân	01/09/1983	Nam	Hòa Bình	
69	Nguyễn Chí	Tuân	06/02/1984	Nam	Hòa Bình	
70	Quách Anh	Tuấn	25/02/1986	Nam	Hòa Bình	
71	Phạm Văn	Túc	13/07/1987	Nam	Hòa Bình	
72	Đỗ Khánh	Tuyền	03/04/1991	Nam	Hà Nội	
73	Hoàng Thị Hồng	Vân	27/10/1998	Nữ	Hòa Bình	
74	Bùi Công	Văn	27/10/1982	Nam	Hòa Bình	
75	Hoàng Thế	Việt	16/10/2000	Nam	Hòa Bình	
76	Bùi Khắc	Vinh	02/12/1972	Nam	Thái Bình	
77	Trần Văn	Ân	25/09/1977	Nam	Quảng Ngãi	
78	Nguyễn Châu Hoàng	Anh	04/12/1987	Nữ	Bình Thuận	
79	Lê Thị Thùy	Giang	10/12/1993	Nữ	Bình Thuận	
80	Nguyễn Linh	Giang	29/01/1994	Nam	Đồng Nai	
81	Ngô Thị Thanh	Hà	11/01/1985	Nữ	Đồng Nai	
82	Trần Thái Minh	Hải	06/06/1981	Nữ	Bình Thuận	
83	Lê Thị Phúc	Hoa	24/05/1982	Nữ	Đồng Nai	
84	Nguyễn Quang	Hòa	25/03/1985	Nam	Bình Thuận	
85	Nguyễn	Khánh	23/12/1984	Nam	Bà Rịa - VT	
86	Đỗ Hoàng	Linh	05/05/1998	Nam	Tây Ninh	
87	Hồ Thị Phương	Linh	04/02/1983	Nữ	Bà Rịa - VT	
88	Huỳnh Thị Mỹ	Ly	26/07/1984	Nữ	Quảng Trị	
89	Đặng Thị Thùy	Nhiên	27/07/1982	Nữ	Bình Định	
90	Vũ Thế	Tài	15/01/1983	Nam	Nam Định	
91	Lê Thị Thanh	Tâm	24/12/1987	Nữ	Thanh Hóa	
92	Trần Văn	Tấn	07/07/1983	Nam	Bà Rịa - VT	
93	Mai Phước	Thanh	13/05/1994	Nam	Bình Thuận	
94	Trương Thị Ngọc	Thơ	15/09/1988	Nữ	Bình Thuận	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ghi chú
95	Trần Hà Nghĩa	Thông	26/12/1982	Nam	Bình Thuận	
96	Nguyễn Thị Anh	Thư	16/12/1990	Nữ	Bình Thuận	
97	Lê Thị Huyền	Trân	28/04/1998	Nữ	Bình Thuận	
98	Phạm Thị Huyền	Trân	20/07/1981	Nữ	Bà Rịa - VT	
99	Mã Minh	Triết	30/12/1983	Nam	Bà Rịa - VT	
100	Nguyễn Thành	Trung	26/01/1992	Nam	Đồng Nai	
101	Huỳnh Thị Bích	Vân	05/03/1994	Nữ	Bình Thuận	
102	Huỳnh Bá	Việt	20/08/1970	Nam	Đà Nẵng	
103	Võ Văn	Vinh	10/12/1985	Nam	Bình Thuận	
104	Nguyễn Ngọc	Vỹ	31/12/1989	Nam	Bình Thuận	
105	Châu Minh	Ý	21/02/1991	Nữ	Bình Thuận	
106	Nguyễn	Bình	08/08/1976	Nam	Đà Nẵng	
107	Trần Quốc	Cường	20/11/1991	Nam	Bình Định	
108	Huỳnh Ngọc	Giao	21/09/1983	Nam	Quảng Nam	
109	Nguyễn Thị Thúy	Hạnh	14/08/1985	Nữ	Bình Định	
110	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	10/02/1985	Nữ	Gia Lai	
111	Bùi Thị	Hòa	06/06/1996	Nữ	Gia Lai	
112	Lê Xuân	Hoài	02/02/1988	Nam	Thanh Hóa	
113	Nguyễn Công	Hường	17/03/1975	Nam	Quảng Trị	
114	Nguyễn Thị Trà	My	23/02/1981	Nữ	Gia Lai	
115	Đặng Thế	Mỹ	03/01/1980	Nam	Bình Định	
116	Lê Thị Tố	Nga	23/05/1987	Nữ	Gia Lai	
117	Man Thị Ánh	Nguyệt	09/03/1992	Nữ	Bình Định	
118	Huỳnh Ngọc	Nhi	20/03/1978	Nam	Gia Lai	
119	Trần Công	Quang	11/10/1978	Nam	Gia Lai	
120	Trà Văn	Quý	10/07/1989	Nam	Gia Lai	
121	Lê Trường	Sơn	26/11/1981	Nam	Ninh Bình	
122	Đặng Hùng	Thắng	18/08/1975	Nam	Hải Dương	
123	Phạm Văn	Thắng	16/07/1993	Nam	Thái Bình	
124	Lê Văn	Thành	10/04/1979	Nam	Bình Định	
125	Trần Kiêm	Thành	09/02/1984	Nam	Thừa Thiên Huế	
126	Hoàng Thị	Thảo	15/04/1983	Nữ	Hà Tĩnh	
127	Nguyễn Thị Lệ	Thu	01/01/1989	Nữ	Gia Lai	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ghi chú
128	Ngô Vy	Thương	31/08/1994	Nữ	Gia Lai	
129	Trịnh Minh	Tiên	26/11/1973	Nam	Bình Định	
130	Trương Văn	Toàn	20/09/1982	Nam	Bình Định	
131	Trần Thành	Trung	15/10/1993	Nam	Gia Lai	
132	Nguyễn Anh	Tú	06/09/1995	Nam	Gia Lai	
133	Vũ Thị	Tuyết	06/04/1984	Nữ	Thanh Hóa	
134	Hoàng Tổ	Uyên	03/12/1999	Nữ	Gia Lai	
135	Trần Quốc	Việt	08/08/1980	Nam	Gia Lai	

Danh sách này gồm có 135 thí sinh.

2-Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên rừng. Mã số: 8620211

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ghi chú
1	Đỗ Cao	Cường	05/12/1994	Nam	Hà Nội	
2	Bùi Thu	Doan	23/02/1989	Nữ	Hòa Bình	
3	Nguyễn Việt	Hùng	26/10/1999	Nam	Hà Nội	
4	Đặng Thị	Quyết	30/03/1999	Nữ	Hà Nội	
5	Nguyễn Văn	Tây	25/06/1997	Nam	Thừa Thiên Huế	
6	Nguyễn Đức	Thành	23/05/1993	Nam	Hòa Bình	
7	Lê Thị Phương	Thảo	19/08/1986	Nữ	Hà Nội	
8	Nguyễn Khánh	Toàn	02/08/1994	Nam	Hải Phòng	

Danh sách này gồm có 8 thí sinh.

3-Chuyên ngành: Lâm học. Mã số: 8620201

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ghi chú
1	Vũ Thị	Chinh	17/07/1986	Nữ	Thanh Hóa	
2	Nguyễn Văn	Đặng	27/01/1995	Nam	Hà Nội	
3	Đào Khắc	Hồng	03/02/1990	Nam	Hà Tĩnh	
4	Phạm Thị Mỹ	Kiều	19/01/1992	Nữ	Quảng Nam	
5	Phạm Xuân	Nghị	15/03/1988	Nam	Ninh Bình	
6	Nguyễn Văn	Quốc	10/02/1988	Nam	Bình Trị Thiên	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ghi chú
7	Nguyễn Đức	Thuận	30/05/1997	Nam	Gia Lai	
8	Đinh Xuân	Tín	15/07/1990	Nam	Bình Định	
9	Lê Thi Mai	Trang	16/10/1987	Nữ	Bình Định	
10	Đoàn Thanh	Trương	25/04/1995	Nam	Bình Định	
11	Ngô Duy Hoàng	Vũ	15/09/1990	Nam	Gia Lai	

Danh sách này gồm có 11 thí sinh.